

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA  
DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật**

**Mã số : 62 38 01 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

***Người hướng dẫn khoa học: TS Dương Thị Thanh Mai  
PGS.TS Nguyễn Thị Báo***

***Phản biện 1: .....***

.....

***Phản biện 2: .....***

.....

***Phản biện 3: .....***

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 201*

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và  
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cung cấp dịch vụ công là một trong những chức năng cơ bản của Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu chung của người dân và cộng đồng, bảo đảm ổn định và công bằng xã hội. Hiện nay, xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ công trở thành một xu hướng phổ biến của các nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi nhằm đa dạng hóa, tăng nguồn cung ứng và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ nhu cầu, lợi ích chung của xã hội, cộng đồng và của người dân. Yêu cầu căn bản của quá trình XHHDVC là nhà nước trực tiếp thực hiện một số loại dịch vụ công quan trọng và thông qua các cơ chế cụ thể để dần chuyển giao việc cung ứng dịch vụ công này cho các chủ thể khác, đồng thời, chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ chất lượng của việc cung ứng các dịch vụ công này.

Ở Việt Nam, XHHDVC là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, được triển khai trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và là một trong những trọng tâm thực hiện cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong lĩnh vực tư pháp, XHHDVC được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2006 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: *“thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp”*. Đồng thời, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2006 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng 2020 xác định: *“xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...) theo hướng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; kết hợp quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp”*.

Thực hiện định hướng chiến lược đã được xác định, các văn bản trong các lĩnh vực tư pháp như Luật luật sư, Luật công chứng, Luật thi hành án dân sự, Luật giám định tư pháp, Luật trợ giúp pháp lý, Luật phổ biến giáo dục pháp luật, Luật bán đấu giá tài sản... đang ngày càng khẳng định xu hướng XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp như việc xác định luật sư là một nghề, hoạt động chuyên nghiệp; hình thành Liên đoàn luật sư là tổ chức tự quản của luật sư trong toàn quốc; hình thành hệ thống Văn phòng công chứng bên cạnh Phòng công chứng của Nhà nước và từng bước hình thành các Hội công chứng thực hiện chức năng tự quản đối với những người hành nghề công chứng; huy động và tạo điều kiện để xã hội tham gia vào hoạt động trợ giúp pháp lý (TGPL); cho phép thành lập các tổ chức giám định tư pháp (GĐTP) ngoài công lập đối với các lĩnh vực về tài chính, xây dựng, di vật, cổ vật; thí điểm

chế định thừa phát lại đã được chính thức thực hiện trong phạm vi cả nước. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, góp phần vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam cũng như bảo đảm và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đẩy mạnh XHHDVC nói chung và trong bối cảnh thực hiện cải cách pháp luật, cải cách tư pháp thì pháp luật về XHHDVC cũng đang cho thấy có những bất cập, hạn chế cần được nghiên cứu, hoàn thiện. Quy định về thực hiện xã hội hóa đang được điều chỉnh trong các văn bản ở các cấp độ, ngành, lĩnh vực khác nhau dẫn đến có những mâu thuẫn, khoảng trống và khó khăn nhất định trong áp dụng. Pháp luật cũng chưa điều chỉnh đầy đủ, toàn diện các vấn đề phát sinh trong thực hiện xã hội hóa như bảo đảm tính xã hội, không vì mục đích lợi nhuận của việc cung cấp dịch vụ công, có các cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp với đặc thù của các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp... Quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong cung cấp dịch vụ công trong điều kiện xã hội hóa còn chưa đầy đủ, cụ thể, đặc biệt là trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm chất lượng dịch vụ công nên thực tế triển khai có lúng túng và chưa đạt được kết quả như mong muốn. Việc tổng kết thực tiễn thi hành cũng như nghiên cứu toàn diện lý luận về pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp chưa được quan tâm thực hiện đúng mức nên dẫn đến những khó khăn, lúng túng, thiếu cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách dài hạn và hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

Xuất phát từ những những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay***” là đề tài nghiên cứu luận án tiến sỹ luật học nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn và đưa ra những kiến nghị, đề xuất cho việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích**

Mục đích nghiên cứu của luận án nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn, từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược cải cách tư pháp.

### **2.2. Nhiệm vụ**

- Thực hiện tổng quan các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến đề tài nhằm chỉ ra những vấn đề luận án có thể kế thừa và xác định các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.
- Phân tích khái niệm, đặc điểm, nội dung điều chỉnh của pháp luật và xác định các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện cũng như yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn

thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp; đồng thời ở một mức độ nhất định, nghiên cứu pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trên thế giới và chỉ ra những giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

- Nghiên cứu tổng quan về quá trình phát triển của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, trọng tâm từ năm 2001 đến nay; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay để rút ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

- Phân tích, đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay theo yêu cầu cải cách hành chính và thực hiện chiến lược hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu:**

Dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn của pháp luật và hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là lĩnh vực rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động tư pháp khác nhau. Có các hoạt động trực tiếp liên quan đến thực hiện quyền tư pháp (xét xử) nhưng cũng bao gồm những hoạt động hỗ trợ tư pháp và hành chính tư pháp.

Trong phạm vi giới hạn của Luận án, với mục đích đóng góp các đề xuất cho việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp phù hợp yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Luận án tập trung nghiên cứu và đề xuất các giải pháp đối với việc hoàn thiện pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp được xác định theo Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 8/1/2001 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

- Về thời gian, Luận án nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và tập trung nghiên cứu, đánh giá về tình hình, kết quả hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong giai đoạn từ năm 2001 đến nay (tức là giai đoạn bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp theo Nghị quyết số 08-NQ/TW).

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó vận dụng linh hoạt, tổng hợp các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để

thấy được tiến trình hình thành, phát triển của pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu khoa học đã được sử dụng phù hợp với yêu cầu nghiên cứu từng nội dung của luận án như phương pháp phân tích, tổng hợp; luật học so sánh; thống kê, khảo sát văn bản; phương pháp quy nạp, diễn dịch. Cụ thể như sau:

- Chương 1: Sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa các tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố để làm rõ các nội dung, kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài, xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án.

- Chương 2: Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, phương pháp quy nạp, diễn dịch để phân tích, luận giải, khái quát các phạm trù có tính lý luận về pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Chương này cũng sử dụng phương pháp luật học so sánh để tìm hiểu kinh nghiệm của một số nước trong hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

- Chương 3: Sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích để hệ thống, phân tích và đánh giá về thực trạng pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

- Chương 4: Sử dụng phương pháp quy nạp, diễn dịch, tổng hợp, phân tích để luận giải và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

## **5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án**

Luận án là công nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên tiếp cận chung về hoàn thiện pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay. Luận án có những điểm mới sau:

- Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu trước đó, Luận án đã đưa ra được khái niệm, phân tích và làm sáng tỏ bốn đặc điểm, ba nội dung điều chỉnh và vai trò quan trọng của pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp

- Luận án đã xây dựng bảy tiêu chí hoàn thiện pháp luật, xác định năm yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

- Luận án đã phân tích và chỉ ra kinh nghiệm của một số nước trong hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm kinh nghiệm hoàn thiện nhóm các quy định về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công; về thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp; về quy định quản lý cung cấp dịch vụ công.

- Luận án đã phân tích, làm rõ được những vấn đề cơ bản của quá trình hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

- Luận án nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống và chỉ ra được những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án xác định được các quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

- *Về lý luận*, kết quả nghiên cứu của Luận án cung cấp thêm các thông tin lý luận về hoàn thiện pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- *Về thực tiễn*, Luận án là công trình đầu tiên tiếp cận và nghiên cứu XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp một cách tổng thể, có hệ thống và toàn diện. Kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị tham khảo đối với các cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng, hoạch định chính sách, xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp nói chung và từng dịch vụ công cụ thể. Luận án còn có thể là tài liệu tham khảo, phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy pháp luật XHHDVC nói chung và trong lĩnh vực tư pháp nói riêng.

## **7. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm có 04 chương và **10** tiết.

### **Chương 1**

#### **TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN**

##### **1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI**

Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là một nội dung hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về XHHDVC nói riêng. Nghiên cứu về pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp phải đặt trong tổng thể các quy định pháp luật. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu các vấn đề của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực đã được công bố ở trong nước và trên thế giới, theo các mức độ, phạm vi khác nhau, có thể chia thành hai nhóm chính sau: (1) về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và (2) về tổ chức và hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*\* Về kết quả nghiên cứu trong nước*

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu cho thấy cách tiếp cận pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp dưới nhiều góc độ, phạm vi và ở các cấp độ khác nhau, bao gồm các nghiên cứu chuyên sâu, sách, bài viết, luận án, luận văn, đề tài

khoa học. Sự phong phú của các công trình nghiên cứu thể hiện yêu cầu nghiên cứu, làm rõ các nội dung cũng như định hướng hoàn thiện pháp luật về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp. Tham khảo một số công trình nghiên cứu trong nước nêu trên có thể đưa ra một số nhận xét cơ bản sau:

*Thứ nhất*, nghiên cứu về pháp luật XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp được thực hiện và đẩy mạnh thực hiện kể từ sau năm 2002 theo yêu cầu nhiệm vụ chiến lược cải cách tư pháp của Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW. Các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ định hướng thực hiện xã hội hóa đối với nhiều dịch vụ công cụ thể trong lĩnh vực tư pháp trong quá trình hoàn thiện pháp luật đối với từng lĩnh vực. Kết quả nghiên cứu trong từng lĩnh vực cụ thể có ý nghĩa trong việc khái quát và xây dựng những vấn đề cơ bản về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, nhóm các nghiên cứu có liên quan đến pháp luật XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp, tuy chưa tập trung nghiên cứu đối với vấn đề pháp luật, nhưng đã đề cập các vấn đề liên quan đến xác định dịch vụ công và XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp cũng như định hướng tiếp tục thực hiện XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp. Những kết quả nghiên cứu thu được cung cấp thông tin về quan điểm, nhận thức chung cũng như xác định định hướng XHHĐVC trên nguyên tắc vừa đẩy mạnh XHHĐVC, vừa gắn với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng dịch vụ công. Đây là những nội dung có giá trị tham khảo gợi mở cho Nghiên cứu sinh khi đưa ra các đề xuất hoàn thiện pháp luật về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp trong luận án của mình.

*Thứ ba*, nhóm các nghiên cứu pháp luật về xã hội hóa đối với một số dịch vụ công cụ thể trong lĩnh vực tư pháp đã được thực hiện có hệ thống, đề cập một cách toàn diện về việc thực hiện xã hội hóa dịch vụ công đó, bao gồm cả yêu cầu hoàn thiện pháp luật. Tuy được thực hiện trong từng lĩnh vực cụ thể, nhưng những kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng giúp cho Nghiên cứu sinh trong việc khái quát hóa các quan điểm, định hướng hoàn thiện pháp luật về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp.

*\* Về kết quả nghiên cứu của nước ngoài*

Trên thế giới, các nghiên cứu về dịch vụ công, pháp luật về dịch vụ công và XHHĐVC cũng đã được thực hiện. Đánh giá chung cho thấy có những khó khăn nhất định trong việc tìm hiểu, tiếp cận các thông tin trực tiếp liên quan đến xã hội hóa một lĩnh vực hay công việc nhất định do quan niệm về XHHĐVC mang tính chất khá đặc thù của Việt Nam nhưng qua các kết quả nghiên cứu cũng thu thập được các thông tin có giá trị tham khảo cơ bản như sau:

*Một là*, dịch vụ công là một khái niệm được sử dụng khá phổ biến trong các nghiên cứu của nước ngoài nhưng cách hiểu, đặc biệt là việc xác định các dịch vụ công cụ thể lại rất khác nhau trong các trường hợp khác nhau. Nhìn chung, quan điểm về dịch vụ công phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia, trong đó có sự vận



động và phát triển theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, đây là vấn đề mở, đang được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong bối cảnh mới.

*Hai là*, cách tiếp cận với thuật ngữ “xã hội hóa” [socialization] trên thế giới có sự khác biệt nhất định với quan niệm phổ biến về XHHDVC ở Việt Nam. Trong thế giới hiện đại, vai trò của Nhà nước đang có sự thay đổi và đứng trước những yêu cầu, thách thức mới. Việc thay đổi này có liên hệ mật thiết với dịch vụ công với ý nghĩa là những trách nhiệm xã hội của Nhà nước. Đây là lý do để các nghiên cứu hướng đến những biện pháp, cách thức giúp cho Nhà nước vượt qua những yêu cầu, thách thức mới, hoàn thành trách nhiệm của mình với xã hội. Các nghiên cứu được thực hiện trên nhiều khía cạnh, nhiều định hướng, trong đó có tăng cường hợp tác giữa Nhà nước với công dân và xã hội. Mặc dù không sử dụng thuật ngữ XHHDVC nhưng việc chuyển giao nói trên có sự tương đồng với khái niệm XHHDVC đang được thực hiện ở Việt Nam. Điều này cho thấy việc thực hiện XHHDVC như ở Việt Nam phù hợp với xu hướng của thế giới và phát triển trong một xã hội hiện đại.

*Ba là*, thể chế nói chung và pháp luật nói riêng có vai trò ngày càng quan trọng. Pháp luật về xã hội hóa các hoạt động cụ thể trong lĩnh vực tư pháp ở các nước khác nhau phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật (bao gồm trường phái pháp luật) của mỗi nước. Vì vậy, cách giải quyết vấn đề XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở các nước cũng có những sự khác biệt nhất định so với Việt Nam.

*Tóm lại*, trên cả bình diện quốc tế và Việt Nam, chưa có công trình đi sâu nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Các nghiên cứu mới tiếp cận theo từng hoạt động hoặc từng vấn đề cụ thể của dịch vụ công, phục vụ cho yêu cầu hoàn thiện pháp luật theo từng lĩnh vực hoạt động tư pháp mà chưa tiếp cận các hoạt động tư pháp từ khía cạnh XHHDVC, do vậy, chưa đề xuất các định hướng tổng thể, toàn diện đối với việc XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Nhiều vấn đề lý luận cơ bản cũng như thực trạng pháp luật chưa được nghiên cứu một cách khách quan, toàn diện trong điều kiện, bối cảnh cụ thể ở Việt Nam nên chưa xác định được những định hướng chung cho việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Đặc biệt, ở cấp độ nghiên cứu luận án tiến sĩ, chưa có một công trình nào nghiên cứu về hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Do đó, đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay.

## **1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu đã thực hiện, trong phạm vi nghiên cứu của mình, nghiên cứu sinh cần thiết phải tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn đối với việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp nói chung (không đi vào từng lĩnh vực cụ thể). Cụ thể như sau:

*Về lý luận*, luận án cần tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề lý luận cho hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm:

- Xác định khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

- Xác định các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật và các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

*Về thực tiễn*, luận án cần phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm:

- Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam.

- Đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

- Xác định các quan điểm và giải pháp, nội dung hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam hiện nay phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp theo yêu cầu chiến lược cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

#### **2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, NỘI DUNG PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

##### **2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, nội dung xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

###### ***2.1.1.1. Khái quát chung về dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp***

Có những quan niệm khác nhau về dịch vụ công nhưng khái quát chung thì dịch vụ công được hiểu là những dịch vụ gắn với lợi ích chung, thiết yếu của đa số nhân dân hay dịch vụ công gắn với trách nhiệm của Nhà nước đối với dân chúng. Dịch vụ công ra đời và tồn tại xuất phát từ chức năng phục vụ của Nhà nước, phù hợp với sự vận động của xã hội và nhu cầu thực tiễn về dịch vụ công trong xã hội. Việc xác định dịch vụ công phụ thuộc vào mỗi quốc gia và mỗi giai đoạn khác nhau. Trong điều kiện nước ta hiện nay, dịch vụ công bao gồm những hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ nhu cầu của nhân dân mà Chính phủ can thiệp vào việc cung cấp.

Dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp là một loại hình dịch vụ công được xác định trên cơ sở phân loại theo hình thức, nội dung dịch vụ. Mặc dù có những quan niệm, phạm vi tiếp cận khác nhau nhưng xuất phát từ định hướng và thực tiễn thực hiện cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay thì “tư pháp” được hiểu không chỉ là hoạt động xét xử mà còn bao gồm các hoạt động khác, hỗ trợ cho xét xử nhằm tổ chức thực hiện và bảo vệ pháp luật, duy trì công lý, lẽ phải, công bằng trong xã hội. Cũng như các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội, lĩnh vực tư pháp có các dịch vụ công phục vụ cho nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân, gắn với trách nhiệm của Nhà nước trước công dân, vì lợi ích chung của xã hội. Những hoạt động này không trực tiếp sử dụng quyền lực nhà nước - quyền tư pháp, do vậy có thể do các cơ quan Nhà nước thực hiện hoặc ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn luật định nhằm mục đích đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân trong sử dụng dịch vụ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cũng mang đặc điểm cơ bản của dịch vụ công nói chung như tính chất xã hội, việc cung ứng dịch vụ công không thông qua quan hệ thị trường đầy đủ, Nhà nước chịu trách nhiệm trước xã hội, bảo đảm tính công bằng, hiệu quả trong cung cấp dịch vụ công... Đồng thời, dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cũng có những đặc điểm riêng gắn với hoạt động xét xử, thực hiện và bảo vệ pháp luật. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp là các dịch vụ phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân mà các nhu cầu, cơ bản thiết yếu này là cơ sở cho việc bảo đảm thực hiện các quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

*Thứ hai*, lợi ích chung của xã hội mà dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp hướng đến là bảo vệ pháp luật, duy trì công bằng, công lý, lẽ phải trong xã hội.

*Thứ ba*, chủ thể thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp là các cơ quan tư pháp được tiếp cận theo phạm vi rộng, không chỉ trực tiếp là tòa án, viện kiểm sát, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành pháp mà còn bao gồm các tổ chức nghề nghiệp nằm ngoài quyền lực nhà nước được Nhà nước ủy quyền hoặc cho phép thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp như các tổ chức hành nghề của luật sư, công chứng viên, GDTP, thừa phát lại.

*Thứ tư*, việc thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp không chỉ phải tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành mà còn phải bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc, quy định tổ tụng, thực hiện quyền tư pháp.

#### **2.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Xã hội hóa là thuật ngữ được sử dụng khá phổ biến trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam gắn với quá trình cải cách hành chính, đổi mới phương thức QLNN và trực tiếp là đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Tuy nhiên, xung quanh

khái niệm xã hội hóa cũng có những cách tiếp cận khác nhau. Ở Việt Nam, trong bối cảnh thực hiện cải cách hành chính, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả QLNN thì xã hội hóa được sử dụng để gắn với việc chuyển giao các công việc của Nhà nước cho xã hội thực hiện, bao gồm cung ứng các dịch vụ công. Quan điểm này có sự tương đồng nhất định với quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới khi đề cập đến vai trò của Nhà nước hiện đại và việc chuyển giao hay thu hút người dân tham gia trong các công việc của Nhà nước dù không trực tiếp sử dụng thuật ngữ “xã hội hóa”. Thế giới ngày nay đang có sự thay đổi mạnh mẽ và đặt ra nhiều thách thức với Nhà nước, đòi hỏi Nhà nước phải hoạt động hiệu quả hơn với nguồn lực giới hạn trong khi yêu cầu của người dân thì ngày càng đa dạng, phong phú hơn. Trong bối cảnh đó, Nhà nước cần tập trung vào các hoạt động phù hợp với khả năng, tức là các hoạt động công cộng cốt lõi, có tầm quan trọng then chốt đối với phát triển và đồng thời củng cố các thiết chế công cộng, thu hút sự tham gia của họ để tạo ra sự cạnh tranh nhiều hơn trong việc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ công cộng. Ở một khía cạnh khác, việc chuyển giao, thu hút sự tham gia của các thiết chế công cộng còn được xem như là một hoạt động hợp tác giữa Nhà nước với công dân, trong đó công dân trở thành một đối tác của Nhà nước trong thiết kế, sản xuất và cung cấp dịch vụ công, giúp nâng cao sự hài lòng của người sử dụng và giảm giá thành dịch vụ.

Với nhận thức trên đây, có thể hiểu *XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là quá trình huy động các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp để cùng với Nhà nước nâng cao chất lượng và thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, qua đó góp phần vào việc bảo đảm và thực hiện quyền, lợi ích chính đáng của công dân, bảo vệ pháp luật, duy trì công bằng, công lý trong xã hội*. Khái niệm xã hội hóa được nhấn mạnh ở những điểm sau:

*Thứ nhất*, xã hội hóa là quá trình mở rộng sự tham gia và huy động toàn xã hội trong việc chia sẻ trách nhiệm cùng với Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển của một lĩnh vực xã hội nào đó mang tính chất xã hội rộng lớn.

*Thứ hai*, xã hội hóa là quá trình lâu dài, phức tạp, gắn với việc nhận diện, xác định rõ ràng và đầy đủ hơn về vị trí, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và của từng chủ thể trong xã hội trong việc tham gia thực hiện các công việc mang tính chất xã hội của Nhà nước.

*Thứ ba*, sự tham gia và huy động toàn xã hội được thực hiện theo những phương thức, mô hình phong phú, đa dạng, phù hợp với năng lực của các chủ thể tham gia vào quá trình xã hội hóa, cung cấp dịch vụ công.

*Thứ tư*, Nhà nước là chủ thể chịu trách nhiệm trước xã hội về dịch vụ công. Ngay cả khi Nhà nước chuyển giao dịch vụ cho tư nhân cung ứng thì Nhà nước vẫn có trách nhiệm bảo đảm công bằng, chất lượng trong tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ công.

### **2.1.2. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp được xây dựng trên cơ sở quan niệm và cách xác định dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp. Quan niệm và cách xác định phạm vi dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp ở các nước khác nhau là khác nhau, tùy thuộc vào từng thời kỳ và đặc điểm cụ thể của mỗi quốc gia, khu vực. Ở Việt Nam, Nghị quyết số 49-NQ/TW và Nghị quyết số 48-NQ/TW đề cập đến việc xã hội hóa đối với các hoạt động THADS và các hoạt động hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, GDTP, TGPL, cảnh sát hỗ trợ tư pháp, thừa phát lại. Với ý nghĩa đó, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có thể hiểu là *tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành*.

Về đặc điểm, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp mang các đặc trưng của pháp luật nói chung về tính quy phạm, tính phổ biến, tính xác định chặt chẽ về hình thức, tính bắt buộc chung và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Đồng thời, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có các đặc trưng sau:

*Thứ nhất*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là tổng thể các QPPL điều chỉnh quan hệ phát sinh trong quá trình XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực và có cấp độ hiệu lực khác nhau.

*Thứ hai*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp điều chỉnh toàn diện các quan hệ xã hội trong quá trình chuyển giao việc cung cấp dịch vụ công của Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

*Thứ ba*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có mối liên hệ chặt chẽ với các chế định pháp luật tố tụng và pháp luật chuyên ngành khác.

*Thứ tư*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có mối liên hệ với các quy định của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là các quy tắc đạo đức nghề nghiệp cho các chức danh tư pháp.

### **2.1.3. Nội dung pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Về mặt nội dung, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp bao gồm ba nhóm quy định cơ bản như sau:

*Một là* nhóm các quy định về tổ chức và cung ứng dịch vụ công trong từng lĩnh vực hoạt động tư pháp, trong đó quy định về dịch vụ công trong lĩnh vực tư

pháp, về các chủ thể được phép cung ứng hoặc tham gia cung ứng dịch vụ công theo các quy trình, thủ tục, cách thức được pháp luật quy định.

*Hai là* nhóm các quy định về thực hiện XHHDVC, tức là các quy định chuyển đổi việc cung cấp dịch vụ công từ Nhà nước cho xã hội thực hiện. Nhóm này bao gồm các quy định về việc chuyển giao hay thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc cung ứng dịch vụ công.

*Ba là* nhóm các quy định về QLNN đối với việc XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp nhằm bảo đảm chất lượng các dịch vụ công được cung cấp và bảo đảm trách nhiệm của Nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ công.

#### **2.1.4. Vai trò của pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

- Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp theo yêu cầu cải cách pháp luật, cải cách tư pháp

- Pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là cơ sở pháp lý để chuyển giao việc cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội, qua đó xây dựng mô hình tổ chức cung ứng dịch vụ công hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

- Pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là công cụ để thực hiện QLNN về dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, qua đó bảo đảm chất lượng các dịch vụ công và việc tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

## **2.2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.2.1. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là những chuẩn mực, thước đo để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trong mối liên hệ với hệ thống pháp luật nói chung, điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại cũng như quan điểm, định hướng phát triển lĩnh vực này phù hợp với mục tiêu, trách nhiệm cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp của Nhà nước. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực bao gồm: (i) Tính toàn diện; (ii) Tính phù hợp và ổn định tương đối; (iii) Tính thống nhất và đồng bộ; (iv) Kỹ thuật lập pháp; (v) Tính khả thi; (vi) Tính hiệu quả; (vii) Pháp luật phải tạo ra sự công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ công trong điều kiện được xã hội hóa.

### **2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, tác động của tiến trình cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, sự vận động và phát triển của các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, điều kiện nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất... Mỗi yếu tố đều có khả năng ảnh hưởng tích cực - theo chiều hướng thúc đẩy hoặc ảnh hưởng tiêu cực - gây cản trở đến quá trình XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Luận án đã xác định 05 yếu tố ảnh hưởng đến quá trình XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm: yếu tố chính trị, tư tưởng; yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố pháp lý; yếu tố lịch sử, văn hóa; yếu tố con người.

### **2.3. PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM**

Xuất phát từ quan niệm về dịch vụ công và XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có những khác biệt, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, quan điểm và trường phái pháp luật nên pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở các nước có sự khác nhau và cũng có sự khác biệt nhất định so với Việt Nam. Kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở một số nước có giá trị tham khảo, gợi mở đối với quá trình hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam.

- Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cần bảo đảm xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Nhà nước đối với việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; xác định đúng phạm vi thực hiện xã hội hóa, cơ chế khuyến khích đối với những tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

- XHHDVC nói chung và XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là một xu thế tổ chức và cung ứng dịch vụ công trong giai đoạn hiện nay. Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp của Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế hoàn thiện pháp luật chung của các nước trên thế giới để phục vụ cho quá trình xã hội hóa. Pháp luật một mặt cần bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình chặt chẽ cho việc cung cấp dịch vụ nhưng mặt khác phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ dàng tiếp cận cho mọi đối tượng có khả năng và mong muốn tham gia cung cấp dịch vụ công.

- Thực tiễn pháp luật của các nước cho thấy khó có thể pháp điển các QPPL trong cùng một văn bản liên quan đến XHHDVC nói chung và trong lĩnh vực tư pháp nói riêng. Vì vậy, khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam cần có lộ trình và bước đi phù hợp với thực tiễn.

### Chương 3

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

### 3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp với ý nghĩa là cơ sở pháp lý thu hút sự tham gia của người dân vào việc thực hiện các hoạt động tư pháp - địa hạt thông thường thuộc về các cơ quan Nhà nước gắn với thực thi quyền lực Nhà nước ở Việt Nam mặc dù không nhiều nhưng cũng đã xuất hiện trong pháp luật của Việt Nam trong thời kỳ phong kiến và trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

Năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 (kèm theo Quyết định số 136/QĐ-TTg), trong đó yêu cầu xây dựng quan niệm đúng đắn về dịch vụ công và đặt ra nhiệm vụ trước mắt là chuyển một số công việc và dịch vụ không cần thiết phải do cơ quan nhà nước thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận. Đến đầu năm 2002, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới xác định huy động sự tham gia rộng rãi và tích cực của nhân dân vào công tác tư pháp và trực tiếp nhấn mạnh đến xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW và định hướng cải cách tổng thể nền hành chính nhà nước, từ năm 2001 đến nay, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp đã được đẩy mạnh hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

Pháp luật trong giai đoạn này được hoàn thiện đáng kể. Cùng với sự phát triển năng động của nền kinh tế hội nhập thì các văn bản QPPL điều chỉnh về hoạt động XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cũng thường xuyên được xây dựng mới, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng với yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này một cách hiệu quả. Các văn bản này khá phong phú, đa dạng, bao gồm Luật, Nghị định, Thông tư quy định chung hoặc quy định từng nội dung hoạt động như cán bộ, công chức, tài chính, việc thực hiện nhiệm vụ...

### 3.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 3.2.1. Nhóm các quy định về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp

*Thứ nhất*, pháp luật đã quy định tương đối toàn diện về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm các nguyên tắc, tổ chức,



quyền và nghĩa vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ, không phân biệt các tổ chức công lập hay ngoài công lập.

*Thứ hai*, pháp luật XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp đã từng bước được hoàn thiện bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp với các quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật có liên quan.

*Thứ ba*, pháp luật về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp bảo đảm phù hợp với các cam kết theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập hoặc là thành viên.

Mặc dù quy định về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công đã được hoàn thiện đáng kể nhưng tiếp cận từ góc độ xã hội hóa cho thấy còn những tồn tại, hạn chế cơ bản sau:

*Thứ nhất*, pháp luật về tổ chức và hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp còn chưa ổn định, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung và vẫn còn hiện tượng tồn tại nhiều mặt bằng pháp lý để điều chỉnh về cùng một hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, pháp luật về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công cũng còn những quy định chưa thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan nên dẫn đến những hạn chế trong hiệu quả thực hiện XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp.

### **3.2.2. Nhóm các quy định về thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Đây là nhóm quy định trung tâm của pháp luật về XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp với những ưu điểm cơ bản như sau:

*Thứ nhất*, pháp luật quy định về người hành nghề cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp theo hướng mở rộng sự tham gia của những cá nhân có đủ điều kiện, được Nhà nước cho phép hành nghề, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, pháp luật đã thể hiện rõ xu thế chuyển giao việc cung cấp dịch vụ công cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội thực hiện trên cơ sở cho phép thành lập và đăng ký hoạt động của các tổ chức chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp ngoài công lập với mục tiêu phát triển mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, hạn chế kiêm nhiệm giữa chức năng QLNN với thực hiện dịch vụ công.

*Thứ ba*, bên cạnh hình thức thành lập các tổ chức chuyên nghiệp cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, pháp luật đã quy định về việc ký hợp đồng là một hình thức để huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ tư*, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và chuyển đổi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cũng là hình thức để thúc đẩy XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ năm*, pháp luật đã có các quy định về các chính sách khuyến khích xã hội hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp hoạt động.

Bên cạnh những ưu điểm, các quy định về thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập:

*Thứ nhất*, pháp luật chưa quy định thống nhất, đầy đủ về nội dung, hình thức, phạm vi XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Thực tế vẫn còn có các quy định chưa thống nhất với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa nói chung.

*Thứ hai*, nhiều nội dung quy định về tiêu chuẩn hành nghề, điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập của các tổ chức hành nghề, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp còn chưa đầy đủ.

*Thứ ba*, nhóm quy định về thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp còn thiếu các nội dung để bảo đảm hiệu quả của quá trình chuyển giao cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ tư*, các quy định thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp còn thiếu các quy định nhằm hạn chế xu hướng thương mại hóa và khuyến khích tính chất phi lợi nhuận, vì cộng đồng của các tổ chức cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ năm*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp còn tồn tại những quy định thiếu tính khả thi.

*Thứ sáu*, kỹ thuật soạn thảo văn bản vẫn còn những hạn chế, một số thuật ngữ chưa bảo đảm rõ ràng trong thực hiện.

### **3.2.3. Nhóm quy định về quản lý nhà nước đối với việc thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

*Thứ nhất*, pháp luật quy định tương đối toàn diện về nội dung nhiệm vụ QLNN về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm nội dung định hướng, chính sách quản lý vĩ mô và nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, pháp luật quy định về tổ chức bộ máy QLNN về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp gắn với thẩm quyền của các cơ quan này trong giải quyết các công việc có liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ ba*, pháp luật đã bảo đảm được tính đồng bộ giữa các nội dung QLNN của các cơ quan nhà nước với chế độ tự quản các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực tư pháp.

Các quy định QLNN về XHHDVC cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế như sau:

*Thứ nhất*, pháp luật còn thiếu các quy định cụ thể về trình tự, nội dung thực hiện nhiệm vụ QLNN về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, pháp luật chưa quy định đầy đủ về các cơ quan QLNN và trách nhiệm của các cơ quan này đối với việc QLNN về XHHDVC.

*Thứ ba*, các quy định về QLNN XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp chưa bảo đảm tính toàn diện trong phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với tổ chức hội nghề nghiệp trong quản lý cung cấp dịch vụ công.

### **3.2.4. Đánh giá chung về thực trạng pháp luật xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Xem xét tổng thể pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có thể thấy những ưu điểm sau:

*Thứ nhất*, các văn bản QPPL chuyên ngành về hoạt động tư pháp cùng với các văn bản chuyên ngành về tổ chức và hoạt động của các tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp đã tạo cơ sở pháp lý cơ bản cho việc XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, pháp luật đã bảo đảm phù hợp và thể chế hóa đầy đủ định hướng về đẩy mạnh XHHDVC trong lĩnh vực pháp theo Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng như các chương trình cải cách nền hành chính nhà nước.

*Thứ ba*, pháp luật về XHHDVC cơ bản bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

*Thứ tư*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp đã tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển hệ thống các tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp ngoài công lập, phù hợp với mục tiêu và tạo ra hiệu quả to lớn cho xã hội.

*Thứ năm*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cơ bản đã bảo đảm được tính công bằng trong cung cấp và thụ hưởng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

Bên cạnh những ưu điểm, pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cũng có những hạn chế cơ bản sau:

*Thứ nhất*, pháp luật vẫn còn thiếu các quy định cụ thể nên dẫn đến những lúng túng, khó khăn trong thực hiện, đặc biệt là các nội dung, nhiệm vụ QLNN, kiểm soát chất lượng đối với dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện xã hội hóa.

*Thứ hai*, pháp luật XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp còn những quy định mâu thuẫn, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong thực hiện.

*Thứ ba*, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp còn tồn tại những quy định mang tính hình thức, thiếu khả thi, hạn chế về kỹ thuật lập pháp.

### **3.2.5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế của pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

#### **3.2.4.1. Nguyên nhân khách quan**

*Thứ nhất*, xây dựng Nhà nước pháp quyền với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là những vấn đề lớn, mới, chưa có tiền lệ. Mặc dù công cuộc đổi mới đất nước đã trải hơn 30 năm, song đó là khoảng thời gian chưa đủ để xóa bỏ căn bản của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp và đổi mới lý luận, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn xây dựng khung pháp luật có hiệu lực, hiệu quả.

*Thứ hai*, dịch vụ công, XHHDVC nói chung và XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp nói riêng là vấn đề mới ở Việt Nam, do đó, nhiều nội dung có sự điều chỉnh, phát triển qua từng thời kỳ nhất định và đặt ra yêu cầu luôn luôn phải có sự nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện pháp luật cho phù hợp.

*Thứ ba*, các điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật, bao gồm cả tài chính và nhân lực, còn chưa đáp ứng được với yêu cầu.

#### **3.2.4.2. Nguyên nhân chủ quan**

*Thứ nhất*, công tác xây dựng, hoạch định chính sách XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp chưa được thực hiện một cách hiệu quả, có tính chiến lược, phù hợp với tính chất, đặc điểm và yêu cầu phát triển của dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ hai*, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ QLNN (trong đó có đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng văn bản QPPL) về cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp chưa đúng đắn và đầy đủ.

*Thứ ba*, công tác rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra văn bản, pháp điển hệ thống QPPL và theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa được quan tâm đúng mức.

## **Chương 4**

### **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **4.1. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp bao gồm hoạt động xây dựng, ban hành văn bản QPPL mới, sửa đổi những quy định không còn phù hợp, bổ sung các quy định còn thiếu cũng như loại bỏ những quy định mâu thuẫn, sai trái với văn bản cấp trên hay không phù hợp với thực tiễn nhằm xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, có chất lượng. Hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có sự tham gia của nhiều cơ quan nhà nước, của các tổ chức xã hội và của đông đảo nhân dân và để đạt được mục tiêu đề ra thì cần quán triệt thực hiện các quan điểm sau:

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp hợp lý trên cơ sở huy động các nguồn lực trong xã hội, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và thực hiện trách nhiệm của Nhà nước.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật nói chung và với quy định về các lĩnh vực hoạt động tư pháp theo yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cơ quan, tổ chức cung ứng và lợi ích của người thụ hưởng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

- Bảo đảm bình đẳng, công bằng giữa các cá nhân, tổ chức trong việc yêu cầu, tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

## **4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **4.2.1. Thực hiện nghiên cứu toàn diện về dịch vụ công và xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Dịch vụ công và XHHDVC là phạm trù lịch sử. Quan niệm, phạm vi và cách thức xác định dịch vụ công và XHHDVC có những khác biệt nhất định ở các quốc gia, tùy thuộc vào từng điều kiện và giai đoạn cụ thể. Trong giai đoạn hiện nay, việc nghiên cứu toàn diện, tổng thể về các hoạt động tư pháp với ý nghĩa là các dịch vụ công là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ cơ sở lý luận, đổi mới nhận thức và xây dựng các quan niệm khoa học về XHHDVC, bao gồm đặc điểm, bản chất, cách thức, xu hướng vận động phát triển... Các tri thức này sẽ cho phép các nhà quản lý đánh giá được mức độ hoàn thiện của pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và từ đó chỉ ra sự cần thiết của việc ban hành hay sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản QPPL hiện hành về XHHDVC.

### **4.2.2. Xây dựng, hoạch định chính sách về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Chính sách về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là những định hướng của Nhà nước để điều chỉnh hoạt động xã hội hóa trong thực tiễn hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cho xã hội. Các chính sách này xác định những nội dung, yêu cầu và nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ nhất*, XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là một định hướng lớn của Đảng và Nhà nước ta trong thực hiện cải cách tư pháp. Xã hội hóa được thực hiện với các hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện gắn với nâng cao chất lượng,

hiệu quả hoạt động của luật sư, hỗ trợ tư pháp nhằm mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại.

*Thứ hai*, XHHĐVC trong lĩnh vực tư pháp được thực hiện trên cơ sở thu hút sự tham gia của xã hội vào việc cung cấp dịch vụ công, phù hợp với khả năng, điều kiện, nguồn lực trong xã hội vào từng thời điểm, giai đoạn nhất định.

*Thứ ba*, dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp dù cho được cung cấp bởi chủ thể là Nhà nước hay trong xã hội thì đều phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh.

*Thứ tư*, QLNN đối với việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện xã hội hóa phải tuân thủ các nguyên tắc chung của QLNN.

### **4.2.3 Hoàn thiện quy định về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

#### **4.2.3.1. Về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

*Một là quy định cụ thể về dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.* Các tiêu chí để xác định dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp bao gồm:

*Thứ nhất*, dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp là các dịch vụ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện cung cấp trong các lĩnh vực thực hiện và bảo vệ pháp luật, bảo đảm công lý, công bằng trong xã hội.

*Thứ hai*, dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp đáp ứng nhu cầu của người dân trong việc thực hiện pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

*Thứ ba*, mục đích xã hội của các dịch vụ công là góp phần vào việc tuân thủ pháp luật, bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, thực hiện công bằng xã hội vì sự phát triển kinh tế - xã hội chung.

*Thứ tư*, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp là các cơ quan, tổ chức của Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân trong xã hội được Nhà nước trao quyền theo quy định của pháp luật.

*Hai là tiếp tục rà soát, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.*

#### **4.2.3.2. Sửa đổi, ban hành các quy định thực hiện xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

*Một là ban hành các quy định hình thức xã hội hóa phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động tư pháp, bao gồm ban hành Nghị định về thừa phát lại, nghiên cứu xây dựng Luật thừa phát lại, tiếp tục nghiên cứu quy định luật sư TGPL, sửa đổi Luật giám định tư pháp để cho phép các tổ chức, cá nhân được tham gia vào lĩnh vực giám định khác nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.*

*Hai là*, hoàn thiện các quy định về việc tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp của các tổ chức, cá nhân mà không thành lập các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp.

*Ba là* hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm quy định trình độ đào tạo về pháp luật, đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành nghề; trách nhiệm vật chất của người hành nghề với khách hàng; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với những người hành nghề cung cấp các loại dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Bốn là* sửa đổi, bổ sung quy định về thành lập và hoạt động nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp của các tổ chức hành nghề cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; xây dựng Nghị định riêng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực tư pháp, trong đó xác định Nhà nước chỉ thực hiện giao kinh phí, con người cho thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng để bảo đảm chất lượng, hiệu quả các dịch vụ công được cung cấp.

*Năm là*, sửa đổi, xây dựng mới chính sách khuyến khích xã hội hóa nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp như nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 69/2008/NĐ-CP theo hướng cho phép áp dụng các chính sách ưu đãi đối với các lĩnh vực hoạt động tư pháp khác đang được xã hội hóa; xem xét quy định tham gia TGPL như là một trong những yếu tố xã hội trong thành lập doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

#### ***4.2.3.4. Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý nhà nước đối với xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp***

*Một là* quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc ban hành các chính sách, quy hoạch phát triển dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan ở trung ương và địa phương.

*Hai là* sửa đổi trình tự, thủ tục cho phép thành lập và đăng ký hoạt động của các tổ chức hành nghề cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp theo hướng thống nhất, phù hợp với thẩm quyền và phạm vi QLNN theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ, qua đó cũng tạo thuận lợi cho người dân trong việc thành lập và đăng ký hoạt động các tổ chức hành nghề cung cấp dịch vụ công.

*Ba là* hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp - những người cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Bốn là*, ban hành các bộ tiêu chí đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp. Bộ tiêu chí này được áp dụng cho tất cả các tổ chức cung ứng

dịch vụ công (công lập và ngoài công lập) và có sự tham gia đánh giá của tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan trong cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

*Năm* là tiếp tục hoàn thiện các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tư pháp.

*Sáu* là sửa đổi, hoàn thiện quy định về chế độ báo cáo, cung cấp, chia sẻ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp tạo sự liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ công.

*Bảy* là tiếp tục hoàn thiện quy định về sự phối hợp QLNN với tự quản của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp trong lĩnh vực tư pháp. Dự thảo Luật về hội cần có quy định mở rộng hơn đối với các trường hợp hội sẽ được thành lập sau thời điểm ban hành Luật về hội và được quy định trong các văn bản luật chuyên ngành khác.

*Tám* là hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền QLNN về dịch vụ công trên cơ sở sửa đổi Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, bổ sung nhiệm vụ quản lý dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp; chuyển giao nhiệm vụ quản lý GĐTP cho Bộ Y tế hoặc Bộ Công an.

#### **4.2.4. Bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng cán bộ trực tiếp tham gia vào công tác xây dựng văn bản QPPL, trong đó đặc biệt chú trọng đến năng lực, trình độ, làm việc chuyên nghiệp, hiện đại.

*Thứ hai*, thu hút sự tham gia các chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn vào tất cả các giai đoạn, các khâu của công tác xây dựng văn bản.

*Thứ ba*, bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, ngân sách phù hợp với thực tế của công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

#### **4.2.5. Nâng cao hiệu quả của công tác thi hành pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

##### ***4.2.5.1. Thực hiện hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp***

Theo dõi thi hành pháp luật là hoạt động tiếp nối với quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, tạo ra chu trình liên tục của quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật đến thực thi, đánh giá kết quả thực thi và tiếp tục hoàn thiện pháp luật. Trong bối cảnh đẩy mạnh thực hiện XHHDVC, công tác theo dõi thi hành pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp có ý nghĩa hết sức quan trọng để kịp thời hoàn thiện pháp luật theo yêu cầu thực tiễn đặt ra, đặc biệt là liên quan đến việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành.



#### **4.2.5.2. Thực hiện thường xuyên rà soát, hệ thống hóa pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp**

Thực hiện thường xuyên việc rà soát, hệ thống hóa pháp luật để phục vụ cho việc xây dựng văn bản QPPL; tra cứu trong áp dụng và thực hiện pháp luật cũng như đề xuất xây dựng Đề mục pháp điển về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp trong Bộ pháp điển Việt Nam đang được xây dựng theo Pháp lệnh về pháp điển hệ thống QPPL.

### **KẾT LUẬN**

1. XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là nhiệm vụ chiến lược được thực hiện theo yêu cầu cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Phạm vi XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể trong từng giai đoạn, từng quốc gia, từng khu vực nhất định. Pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp tạo cơ sở pháp lý cho việc xã hội hóa, không phải là một ngành luật độc lập mà bao gồm tổng thể các QPPL nằm trong các văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực và có cấp độ hiệu lực khác nhau. Pháp luật điều chỉnh ba nhóm quan hệ cơ bản phát sinh trong tổ chức, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý việc cung cấp dịch vụ công trong điều kiện xã hội hóa.

2. Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp đã được đẩy mạnh hoàn thiện theo yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp ở Việt Nam. Pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý cho sự tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội gắn với trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp một cách công bằng, liên tục, ổn định và có chất lượng. Đến nay, hầu hết các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp đã được xã hội hóa với các mức độ phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực và theo yêu cầu cải cách tư pháp. Hệ thống các tổ chức và đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp hành nghề cung cấp dịch vụ công đã được hình thành và ngày càng được củng cố, phát triển.

Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn và trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ liên chính, kiến tạo và phục vụ thì pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập. Nội dung của một số quy định còn chưa phù hợp với thực tiễn, chưa thống nhất giữa các lĩnh vực, chưa có nhiều chính sách khuyến khích thực hiện XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp và đặc biệt là nội dung QLNN đối với việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp còn chưa được quy định cụ thể, chưa phân định cụ thể trách nhiệm

giữa các cơ quan QLNN với nhau và giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức tự quản hành nghề cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp.

Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân từ XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp là vấn đề mới và các hạn chế điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng và thực thi pháp luật; hạn chế từ công tác xây dựng, hoạch định chính sách XHHDVC và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN.

4. Hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp phải đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh XHHDVC gắn với cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Hoàn thiện pháp luật nhằm tạo được cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ công hợp lý trên cơ sở huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và thực hiện trách nhiệm của Nhà nước trước xã hội.

Để đạt được mục tiêu nói trên, cần thiết phải thực hiện nghiên cứu tổng thể về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp để xác định đúng đắn bản chất, nội dung, phạm vi xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện mới. Cùng với đó, cần chú trọng đến công tác xây dựng, hoạch định chính sách và coi đây là các nguyên tắc trong việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp. Hoàn thiện pháp luật về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp cần phải thực hiện đồng bộ trên cả ba nhóm quy định cơ bản, trong đó chú trọng đến các giải pháp tiếp tục ban hành các văn bản QPPL quy định về tổ chức và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; xác định dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; sửa đổi các quy định về điều kiện hành nghề của cá nhân và thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công chuyên nghiệp; hoàn thiện các quy định về hợp đồng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; ban hành các chính sách khuyến khích XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp; quy định cụ thể về nội dung QLNN về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp; xác định cơ quan QLNN về dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp; phân định trách nhiệm giữa các Bộ, ngành trong QLNN và trách nhiệm giữa các Bộ, ngành với các tổ chức tự quản trong cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp. Cùng với đó là bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật trên cơ sở thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật và thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản và đề xuất xây dựng đề mục pháp điển QPPL về XHHDVC trong lĩnh vực tư pháp.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Thu Hường (2017), “Đề xuất đổi mới việc cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp trong điều kiện xã hội hóa theo chiến lược cải cách tư pháp”, *Tạp chí Nghề luật* tháng 1/2017.
2. Trần Thu Hường (2017), “Pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp - Thực trạng và hướng hoàn thiện theo yêu cầu cải cách tư pháp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* tháng 1 (298) năm 2017.
3. Trần Thu Hường (2016), “Đặc trưng của xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp ở Việt Nam và một số kiến nghị”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* số chuyên đề tháng 11/2016, tr23-28.
4. Trần Thu Hường (2013), “Pháp luật về xã hội hóa dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* số 8 (25), tr28-31.